

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KV 2 - LĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2025

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KV 2 - LĐ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Ông Nguyễn Huy Khoa.

- T ký phiên tòa: Bà Triệu Thảo Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân KV 2
- LĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV 2 - LĐ tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Lương Hùng Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV 2 - LĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về vụ việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 19, thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ 19, thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt. Ông B có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn bà T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông B đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 18/5/2015 nay là UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi trước khi đăng ký kết hôn, có thời gian tìm hiểu 1 năm. Sau khi cưới về Gia Lai nhà vợ sinh sống. Tháng 3 năm 2019 khi ở Gia Lai bà đã từng nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện và tháng 4/2019 về nhà chồng ở thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng sống cho đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu. Đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn tình cảm không hợp nhau, không thể giải quyết được, xung đột gia đình xảy ra không thể hàn gắn được, không có tiếng nói chung, không đồng quan điểm sống, do không hợp tính tình, lối sống, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Ông B không làm gì cả, không có việc làm, ở nhà chỉ chơi game, thông lo cho vợ và con.

Tuy sống chung với nhau nhưng đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn ông B.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu N, sinh ngày 03/8/2015 và cháu T, sinh ngày 19/11/2016. Khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi cháu N, sinh ngày 03/8/2015 và cháu T, sinh ngày 19/11/2016.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

** Theo bị đơn ông B trình bày:*

Ông đồng ý ly hôn với bà T. Đồng thời ông có đơn xét xử vắng mặt.

* Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV 2 - LD:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và T ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, xử cho bà T với ông B ly hôn. Về con chung: Giao bà T nuôi con chung cháu N, sinh ngày 03/8/2015 và cháu T, sinh ngày 19/11/2016 cho đến ngày con chung thành niên. Về cấp dưỡng: Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” giữa nguyên đơn bà T và bị đơn ông B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KV 2 - LD.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông B có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn ông B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông B là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán. Ông bà đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 18/5/2015 nay là UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó đến năm 2023 thì Tổng xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và trong lĩnh vực kinh tế hay cãi nhau. Bên cạnh đó thì giữa bà T và ông B còn mâu thuẫn trong việc ông B không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm đối với vợ con. Do ông B không chịu khó làm ăn và không quan tâm vợ con. Bị đơn ông B cũng đồng ý ly hôn bà T. Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông B tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với ông B là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông B và bà T có 02 con chung là cháu N, sinh ngày 03/8/2015 và cháu T, sinh ngày 19/11/2016. Nguyên vọng hai cháu muốn được ở với bà T. Các cháu được chăm sóc, học hành, phát triển bình Tổng. Ông B cũng đồng ý để bà T nuôi hai cháu nên cần giao cháu N, sinh ngày 03/8/2015 và cháu T, sinh ngày 19/11/2016 cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tổng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T, xử bà T với ông B ly hôn.

- Về con chung: Giao bà T nuôi con chung cháu N, sinh ngày 03/8/2015 và cháu T, sinh ngày 19/11/2016 cho đến ngày con chung thành niên.

Về cấp dưỡng: Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền đi lại thăm nom con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về án phí: Buộc bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà T đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004005 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự KV 2 - LĐ. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà T có quyền kháng cáo đề Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết đề Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân KV 2 - LĐ;
- Phòng Thi hành án dân sự KV 2 - LĐ;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nay là UBND xã H, tỉnh Lâm Đồng (giấy chứng nhận kết hôn số: 56/2015, quyền 01/2015, ngày 18/5/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vũ